TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.

2. Ông Lâm Văn Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Êm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị L, sinh năm 1989.

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1985.

Cư trú tại: ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp E, xã N, huyện T , tỉnh Long An.

(Chị L, có mặt tại phiên tòa, ,anh T và chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2018, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị L trình bày: Chị và anh T cưới nhau vào tháng 02 năm 2017, không nhớ rõ ngày, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/01/2017, hôn nhân do mai mối nhưng chị cũng đồng ý lấy anh T làm chồng, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến khi chị mang thai được khoảng 3 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T bỏ về quê làm không lo gì cho vợ con, đến lúc chị sinh con thì anh T cũng có chăm sóc được vài ngày rồi cũng bỏ về quê làm, anh T nói đi làm nhưng không thấy gửi tiền về nuôi con. Những lúc cự cãi nhau anh T còn xúc phạm chị, đòi thử ADN con vì anh T cho rằng B không phải con anh. Chị nhận thấy vợ chồng chung sống mà xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, nhiều bất đồng trong cuộc sống và đặc biệt là không tôn trọng nhau thì không thể tiếp tục sống chung được. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị Cao Thị L và đồng ý ly hôn do tình cảm không còn.

Về con chung:

Chị Cao Thị L trình bày: Trong thời gian sống chung với anh Lê Văn T, anh chị có 01 con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017, đang sống cùng với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh Lê Văn T trình bày: Trong thời gian sống chung với chị Cao Thị L, anh chị có 01 con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017, đang sống cùng mẹ chị L, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Cao Thị L, anh Lê Văn T trình bày: Trong thời gian sống chung, anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Cao Thị L, anh Lê Văn T trình bày: Trong thời gian sống chung, anh chị không có nợ ai hay ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 7 năm 2018, người làm chứng, chị Nguyễn Thị Thanh N, trình bày: Chị không có quan hệ bà con gì với chị L và anh T, chỉ là bạn bè ở chung phòng trọ. Trước đây chị ở chung phòng trọ với em gái chị L là Cao Thị C và vợ chồng chị L, anh T. Lúc đầu ở chung (lúc đó vợ chồng chị L mới cưới), chị thấy vợ chồng chị L không có mâu thuẫn gì, chỉ có lúc anh T nhậu vô thì kiếm chuyện gây gỗ rồi thôi, nhưng về sau anh T nhậu thường xuyên hơn và không lo đi làm, đến khi chị L mang bầu thì anh T bỏ về quê và nói là có công việc ở quê nên khoảng 1 tháng mới lên thăm chị L 01 lần, được 1- 2 tháng đầu như vậy rồi sau này anh T không lên thăm nữa, đến lúc chị L sinh con thì chị L về quê mẹ ruột ở, anh T có đến thăm chị L và con nhưng mỗi lần anh T lên thăm chị L thì chị L phải cho tiền để anh T mua thuốc hút và đi xe về. Chị thấy anh T không lo lắng, chăm sóc gì cho chị L trong giai đoạn mang thai,

không thấy mua được hộp sữa bầu hay bộ đồ bầu nào cho chị L còn thường xuyên nhậu nhẹt và gây gỗ với chị L, có lần chị thấy anh T sau khi nhậu xong về còn đập phá đồ trong phòng trọ. Lần gần đây nhất là khoảng 3 tháng trước anh T có lên phòng trọ của chị, lúc đó có chị L ẳm em bé (con chị L) lên thăm chị và chị C, anh T đến nói chuyện với chị L và tát chị L 1 cái, gạt chân cho chị L té xuống đất, anh T còn nắm đầu chị L và chị C đập vào tường, làm bể nát kính cửa sổ, đập phá nhiều đồ đạc khác kể cả của hàng xóm ở gần đó, làm chị C phải nhập viện CT đầu, anh T còn chửi và hăm dọa chị L, lúc đó chị có báo Công an phường T Tạo, quận Bình T đến nhưng chỉ động viên, hòa giải rồi thôi không có lập biên bản. Chị và chị em chị L sợ quá nên dọn qua phòng trọ khác ở và có nghe những người ở nhà trọ củ nói lại là anh T có đến tìm 02 lần. Theo như tôi thấy thì anh T làm chồng mà không làm tròn trách nhiệm, không lo làm, không nuôi được vợ con thì thôi, còn kiếm chuyện và bạo lực vợ con nhiều lần như vậy thì không người vợ nào sống chung được. Ngoài ra chị không khai gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Về tình cảm: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Cao Thị L và anh Lê Văn T; Về con chung: Chị Cao Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017 (hiện đang sống với chị L), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai nưng không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng việc vắng mặt của chị N không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Cao Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Đây là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T cư trú tại huyện Hồng Ngự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị L và anh Lê Văn T cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/01/2017 phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và chị L yêu cầu ly hôn, anh T thống nhất ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị L là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Cao Thị L và anh Lê Văn T đều thống nhất có 01 con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017 (hiện đang sống với chị L), chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng, anh T

yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Để có cơ sở xem xét về quyền nuôi con nên Tòa án đã yêu cầu chị L và anh T cung cấp chứng cứ để chứng minh về khả năng nuôi con tốt hơn thì chị Cao Thị L cung cấp cho Tòa án Phụ lục hợp đồng lao động ngày 01/4/2018 và mã số lương của chị Cao Thị L của Công ty TNHH POUYUEN VIỆT NAM vào ngày 19/7/2018 thể hiện chị L có công việc ổn định để làm việc và nuôi con, anh Lê Văn T không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo thông báo của Tòa án mà anh đã nhận được. Ngoài ra, con chung đã sinh sống cùng chị L và mẹ của chị L với thời gian từ khi sinh ra đến nay, nên cháu đã quen thuộc với môi trường sinh sống hiện tại, vì vậy không cần thay đổi môi trường sống của cháu sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống của cháu Bảo. Mặt khác, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*".

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao con chung Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017 cho chị Cao Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh Lê Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cao Thị L và anh Lê Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

2.4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cao Thị L và anh Lê Văn T trình bày không có nợ ai hay ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về tình cảm: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Cao Thị L và anh Lê Văn T; Về con chung: Chị Cao Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017 (hiện đang sống với chị L), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Cao Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 14693 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị Cao Thị L không phải nộp thêm.

4.2. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 229, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị L.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị L.

Chị Cao Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 16/11/2017 (đang sống cùng chị L), anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh Lê Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

5.1. Chị Cao Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 14693 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị Cao Thị L không phải nộp thêm.

5.2. Anh Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Thức